

BIẾN ĐỔI CHỨC NĂNG KINH TẾ VÀ GIÁO DỤC TRONG CÁC GIA ĐÌNH CÓ NGƯỜI DI CƯ LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

TS. Phạm Thị Tính*

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, hiện tượng người lao động Việt Nam di cư đi làm việc ở nước ngoài ngày càng phổ biến, kéo theo những biến đổi đáng kể trong cấu trúc và chức năng gia đình. Bài viết phân tích sự biến đổi chức năng kinh tế và chức năng giáo dục trong các gia đình có người di cư lao động quốc tế. Kết quả cho thấy, mặc dù kiều hối do bố, mẹ đi lao động nước ngoài gửi về góp phần cải thiện đời sống và nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ, nhưng sự vắng mặt của cha/mẹ trong thời gian dài làm suy giảm chức năng giáo dục trực tiếp, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em. Từ đó, tác giả đưa ra kết luận và một số ý kiến của cá nhân về sự biến đổi chức năng kinh tế và giáo dục trong các gia đình có bố, mẹ di cư lao động quốc tế.

Từ khóa: chức năng giáo dục, chức năng kinh tế, di cư lao động quốc tế, gia đình.

CHANGES IN ECONOMIC AND EDUCATIONAL FUNCTIONS IN FAMILIES WITH INTERNATIONAL MIGRANT WORKERS

Abstract: In the context of deep international integration, the phenomenon of Vietnamese workers migrating abroad is becoming increasingly common, leading to significant changes in family structure and function. This article analyzes the changes in economic and educational functions in families with international migrant workers. The results show that, although remittances from parents working abroad contribute to improving living standards and enhancing children's access to education, the long-term absence of a parent weakens the direct educational function, affecting the psychophysiological development of children. From there, the author draws conclusions and offers some personal opinions on the transformation of economic and educational functions in families with parents who have migrated for international work.

Keywords: educational function, economic function, international labor migration, family.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, di cư lao động quốc tế đã trở thành chiến lược sinh kế quan trọng và giải pháp việc làm cho người lao động ở nhiều quốc gia. Ở Việt Nam, hoạt động này đã diễn ra từ thập niên cuối của thế kỷ XX và phát triển mạnh từ những năm đầu của thế kỷ XXI. Thị trường truyền thống của lao động di cư Việt Nam là Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia và từ 15 năm trở lại đây việc khắp các quốc gia trên thế giới, với đủ các loại ngành nghề và phần lớn trong đó là lao động phổ thông. Số đông người lao động này có cơ hội tiếp cận việc làm có thu nhập cao hơn so với làm việc trong nước. Khoản thu nhập này góp phần cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần cho các gia đình có người di cư, và tích lũy được nguồn vốn để xây dựng lại nhà ở, cung cấp điều kiện đảm bảo an toàn, tiện ích cho người ở lại (người cao tuổi, trẻ em). Mặt khác, lượng kiều hối này cũng là nguồn lực quan trọng hỗ trợ phát triển kinh tế và ổn định xã hội của quốc gia. Tuy nhiên, cùng với những lợi ích kinh tế, di cư lao động quốc tế cũng đặt ra những biến đổi sâu sắc với cấu trúc và chức năng của gia đình truyền thống, đặc biệt là chức

* Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

năng kinh tế và chức năng giáo dục. Và, không phải tất cả những người đi lao động quốc tế đều thành công, có tiền gửi về cho gia đình ở trong nước.

Về chức năng kinh tế, gia đình truyền thống vốn là đơn vị sản xuất – tiêu dùng tương đối khép kín tự cung tự cấp là chủ yếu, nay chuyển dịch sang tiêu dùng phụ thuộc vào nguồn thu nhập từ kiều hối. Sự thay đổi này không chỉ giúp cải thiện mức sống mà còn làm biến đổi cách thức tổ chức lao động, phân công vai trò kinh tế trong gia đình, thậm chí làm suy giảm vai trò kinh tế của các thành viên ở lại. Đồng thời, sự phụ thuộc vào nguồn thu nhập không ổn định từ nước ngoài cũng tiềm ẩn những rủi ro về an ninh kinh tế hộ gia đình. Bên cạnh đó, chức năng giáo dục của gia đình, vốn gồm việc nuôi dưỡng, chăm sóc sự hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ cũng chịu nhiều tác động đáng kể. Sự vắng mặt kéo dài của cha hoặc mẹ (thậm chí cả hai) nhiều năm dẫn đến những khoảng trống trong quá trình giáo dục trực tiếp, làm thay đổi vai trò của các chủ thể giáo dục trong gia đình. Trẻ em ở các gia đình có bố, mẹ hoặc cả hai bố, mẹ có thể được cải thiện điều kiện học tập về vật chất, nhưng lại đối mặt với nguy cơ thiếu hụt sự quan tâm, giám sát và định hướng về mặt tinh thần, đạo đức và hành vi tiếp xúc trực tiếp của cha, mẹ.

Những biến đổi trên đặt ra các câu hỏi quan trọng: (i) Mức độ và chiều hướng biến đổi của chức năng kinh tế và giáo dục trong các gia đình có người di cư lao động quốc tế là gì? (ii) Các yếu tố nào chi phối những biến đổi này? (iii) Những hệ quả xã hội dài hạn đối với sự phát triển của gia đình và nguồn nhân lực trong tương lai? Việc làm rõ các câu hỏi này không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận trong nghiên cứu gia đình và di cư lao động quốc tế, mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong việc hoạch định chính sách nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của gia đình Việt Nam trong bối cảnh mới.

Phương pháp nghiên cứu và lý thuyết sử dụng: Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tổng quan và phân tích tài liệu thứ cấp. Các lý thuyết được sử dụng để phân tích trong bài viết là: Lý thuyết chức năng gia đình, lý thuyết kinh tế học mới về di cư lao động, lý thuyết di cư và phát triển để phân tích việc di cư lao động quốc tế dẫn đến sự biến đổi chức năng kinh tế và chức năng giáo dục trực tiếp ở các gia đình có người di cư lao động quốc tế.

2. Các phát hiện chính và bàn luận

2.1. Biến đổi chức năng kinh tế

- *Thu nhập từ lao động di cư quốc tế - cải thiện mức sống hộ gia đình:* Nguồn thu nhập từ lao động ở nước ngoài đóng vai trò quan trọng cho gia đình người di cư. Nó tác động trực tiếp đến chức năng kinh tế và cải thiện điều kiện sống của gia đình. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra tác động tích cực của kiều hối từ thu nhập của lao động di cư quốc tế giúp cải thiện mức sống của gia đình người di cư. Richard H. Adams Jr. và John Page (2005) cho rằng, lượng kiều hối do người lao động di cư quốc tế gửi về họ dành một phần trang trải món nợ vay trước khi đi, một phần để lo cho đời sống của cha mẹ già và con nhỏ ở nhà – bù đắp cho sự thiếu vắng trụ cột chính và cũng được đầu tư vào giáo dục của con (thuê gia sư dạy thêm tại nhà hoặc cho con học thêm ở trường) giúp họ yên tâm làm việc ở nước ngoài. Phạm Thị Tính (2020) nghiên cứu di cư lao động quốc tế tại Bắc Giang cũng cho rằng: các gia đình có người đi lao động nước ngoài số đông có cải thiện điều kiện kinh tế, họ dành một phần thu nhập bù đắp cho người ở nhà qua việc cải thiện cơ sở vật chất cải tạo, xây dựng nhà ở kiên cố tạo cho các con và ông, bà có chỗ ở an toàn, đầu tư cho ăn uống để bảo đảm sức khỏe, mua sắm vật dụng thiết yếu phục vụ cuộc sống hàng ngày, như bếp ga, nồi cơm điện, tạo cải/xây dựng nhà cửa kiên cố chống mưa, rét,...

- *Thay đổi cấu trúc nguồn thu và chức năng kinh tế của gia đình.* Khi có người đi lao động ở nước ngoài, có thu nhập cao hơn đáng kể so với khi còn làm việc ở quê nhà, thu nhập ổn định trở

thành nguồn lực tài chính quan trọng. Theo Oded Stark (1991), thu nhập từ lao động di cư quốc tế dẫn đến sự chuyển dịch từ mô hình kinh tế hộ dựa trên sản xuất truyền thống,... sang phụ thuộc nhiều hơn vào kiều hối; chi tiêu gia đình cũng chuyển từ nhu cầu cơ bản sang tiêu dùng chất lượng hơn. Cùng với đó là việc giảm vai trò của các hoạt động sản xuất truyền thống, hiệu quả thấp chuyển sang đầu tư cho nhà ở, đồ dùng tiện ích và các nhu cầu sinh kế mới. Nhiều hộ dần bỏ làm công việc truyền thống thu nhập thấp chuyển sang kinh doanh dịch vụ và tiền tệ. Một số hộ nghèo khi có thu nhập từ lao động di cư quốc tế gia nhập nhóm trung lưu nông thôn. Theo lý thuyết vốn và chiến lược sinh kế, vai trò của kiều hối do lao động di cư tích lũy trở thành nguồn vốn thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương nơi họ xuất cư. Theo J. Edward Taylor (1999), kiều hối có thể được xem như một nguồn vốn phát triển, tạo ra hiệu ứng lan tỏa trong nền kinh tế thông qua tiêu dùng và đầu tư của hộ gia đình có người di cư lao động.

- *Tích lũy và đầu tư*: Di cư lao động quốc tế giúp gia đình nâng cao khả năng tích lũy vốn – điều mà lao động trước khi di cư họ không thể đạt được. Do đó, các khoản kiều hối thường được dùng để: Xây/sửa nhà, mua đất, mua tài sản cố định. Đầu tư giáo dục cho con cái (học thêm, đại học, du học). Đầu tư sản xuất kinh doanh nhỏ: mở cửa hàng bán tạp hoá tại nhà, mở rộng chăn nuôi, trồng trọt hoặc làm dịch vụ chăm sóc sức khoẻ/sửa chữa... tại nhà. Từ đó, gia đình chuyển từ “đảm bảo sinh tồn” sang “tích lũy cho phát triển”. Thực tế cho thấy, nhiều trường hợp trẻ em học hết phổ thông trung học lại tiếp tục di cư theo bố/mẹ ra nước ngoài hình thành mạng lưới đại gia đình xuyên quốc gia. Gia đình sẽ có một người ở lại nhà trông trẻ vị thành niên và người cao tuổi, đồng thời làm các hoạt động sinh kế dựa trên nguồn vốn tài chính của gia đình. Họ thường không trực tiếp làm nông nghiệp như trước nữa, hoặc thuê người làm hoặc làm công việc khác ít vất vả nhưng vẫn có lợi nhuận. Theo WB, nguồn thu nhập từ kiều hối không chỉ là dòng tài chính mà còn là cơ hội tái cấu trúc kinh tế hộ gia đình, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Theo Adams và Page (2005), di cư lao động quốc tế và kiều hối có tác động đáng kể đến giảm nghèo và cải thiện phúc lợi hộ gia đình. Ở cấp độ vi mô, hộ gia đình không chỉ là đơn vị tiêu dùng mà còn là đơn vị sản xuất và đầu tư. Do đó, nguồn thu từ nước ngoài làm thay đổi căn bản chức năng kinh tế truyền thống của gia đình (Stark & Bloom, 1985).

Bên cạnh những mặt tích cực về thu nhập/kiều hối từ người đi lao động nước ngoài gửi về giúp gia tăng nguồn lực, cũng có khá nhiều nghiên cứu chỉ ra những hệ quả tiêu cực. Dù kiều hối góp phần cải thiện mức sống và giảm nghèo trong ngắn hạn, song chúng có thể tạo ra xu hướng phụ thuộc kinh tế và làm suy giảm mức độ tham gia lao động của người ở lại. thông qua hiệu ứng gia tăng mức lương tối thiểu chấp nhận được. Nghiên cứu của Murakami, Yamada và Sioson (2021) về Tajikistan cho rằng, việc có thành viên di cư lao động ra nước ngoài làm giảm tỷ lệ tham gia lao động của những người ở lại khoảng 5,4 điểm phần trăm; trong khi việc nhận kiều hối làm giảm thêm khoảng 10,2 điểm phần trăm. Nghiên cứu lý giải hiện tượng này thông qua hiện tượng khi hộ gia đình có nguồn thu nhập ổn định từ kiều hối, các thành viên ở lại có xu hướng giảm áp lực phải tham gia vào các công việc lương thấp hoặc lao động nặng nhọc (Murakami, 2019). Theo nhóm tác giả, kiều hối hoạt động như một dạng “thu nhập phi lao động”, từ đó làm suy giảm động cơ tham gia thị trường lao động của các thành viên ở lại và dẫn tới nguy cơ hình thành trạng thái phụ thuộc kinh tế kéo dài ở cấp hộ gia đình, đặc biệt tại các cộng đồng có tỷ lệ di cư lao động quốc tế cao. Tương tự, các nghiên cứu tại Pakistan cũng ghi nhận rằng, kiều hối góp phần làm gia tăng tình trạng “thất nghiệp tự nguyện” khi một bộ phận thành viên trong hộ gia đình chủ động trì hoãn hoặc từ chối tham gia lao động do đã có nguồn hỗ trợ tài chính từ người thân ở nước ngoài. Theo lập luận của các tác giả, kiều hối làm “nới

lởn ràng buộc ngân sách” qua đó làm suy giảm tính cấp thiết của hoạt động lao động trong chiến lược sinh kế hộ gia đình (Shair, W. & Majeed, M.T., 2020).

Từ góc độ xã hội học phát triển, hiện tượng gia tăng mức lương tối thiểu chấp nhận được còn có thể dẫn đến sự thay đổi trong hệ giá trị lao động tại các cộng đồng có tỷ lệ di cư lao động quốc tế cao. Khi thu nhập từ kiều hối trở thành nguồn lực kinh tế chủ đạo, các công việc địa phương có thu nhập thấp dần bị xem là kém hấp dẫn hoặc thiếu giá trị xã hội. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến nguồn cung lao động tại chỗ mà còn có nguy cơ làm suy yếu động lực phát triển kinh tế nội sinh của địa phương trong dài hạn. Khi hộ gia đình có nguồn tài chính ổn định từ người thân lao động ở nước ngoài, áp lực tham gia lao động sớm để hỗ trợ kinh tế gia đình giảm xuống. Nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra rằng trạng thái phụ thuộc kéo dài vào kiều hối có thể dẫn tới tâm lý thụ động và giảm động cơ tìm kiếm việc làm tại địa phương. Murakami, Yamada và Sioson (2021), khi nghiên cứu về Tajikistan cho rằng, kiều hối góp phần làm giảm tỷ lệ tham gia lao động của các thành viên không di cư thông qua hiệu ứng gia tăng mức lương kỳ vọng tối thiểu. Điều này đặc biệt đáng chú ý đối với thanh niên - nhóm thường có xu hướng trì hoãn tham gia thị trường lao động nếu các công việc sẵn có bị xem là thu nhập thấp hoặc điều kiện lao động kém hấp dẫn.

Ngoài ra, kiều hối còn ảnh hưởng tới định hướng giá trị và chiến lược sinh kế của thế hệ trẻ. Ở nhiều cộng đồng có truyền thống di cư lao động quốc tế, thành công kinh tế còn được gắn với khả năng di cư lao động hơn là với trình độ học vấn hoặc phát triển nghề nghiệp tại địa phương. Điều này có thể dẫn đến hiện tượng “văn hóa di cư”, ở đó thanh niên xem việc ra nước ngoài lao động như con đường chủ yếu để đạt được địa vị xã hội và cải thiện thu nhập. Trong nghiên cứu về các làng nông thôn phụ thuộc kiều hối ở Bangladesh, Rashid và Sikder (2016) chỉ ra rằng nguyện vọng nghề nghiệp và tương lai của thanh niên chịu ảnh hưởng mạnh từ kinh nghiệm di cư và nguồn thu nhập của các hộ gia đình nhận kiều hối. Các tác giả cho rằng trong bối cảnh “Khu vực nông thôn Bangladesh phụ thuộc vào kiều hối”, thanh niên ngày càng định hình kỳ vọng cuộc sống thông qua di cư lao động, thay vì chỉ dựa vào các cơ hội nghề nghiệp tại địa phương. Hệ quả là động lực đầu tư vào giáo dục dài hạn hoặc phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong nước có xu hướng suy giảm. Một số nghiên cứu cũng ghi nhận rằng kiều hối có thể làm thay đổi cấu trúc chuyển tiếp từ giáo dục sang lao động của thanh niên. Trong bối cảnh nhiều gia đình có nguồn thu ổn định từ lao động di cư quốc tế, một bộ phận thanh niên lựa chọn kéo dài trạng thái không tham gia lao động hoặc chờ đợi cơ hội di cư thay vì tham gia các công việc địa phương có thu nhập thấp. Xu hướng này về lâu dài có thể làm suy yếu nguồn nhân lực trẻ tại các khu vực nông thôn và tạo ra sự lệ thuộc ngày càng lớn vào lao động di cư quốc tế.

Từ góc độ xã hội học phát triển, các tác động nói trên phản ánh tính hai mặt của kiều hối. Một mặt, kiều hối góp phần cải thiện vốn con người thông qua đầu tư cho giáo dục, y tế và điều kiện sống. Mặt khác, nếu nền kinh tế địa phương không tạo ra đủ cơ hội việc làm và phát triển nghề nghiệp hấp dẫn cho thanh niên, kiều hối có thể vô tình củng cố tâm lý phụ thuộc và làm gia tăng xu hướng dịch chuyển lao động xuyên quốc gia như một chiến lược sinh tồn mang tính thế hệ. Các nghiên cứu thực nghiệm chỉ ra rằng kiều hối làm thay đổi cấu trúc chi tiêu hộ gia đình theo hướng tăng đầu tư vào vốn con người. Cox-Edwards và Ureta (2003) cho rằng, kiều hối giúp giảm tỷ lệ bỏ học ở El Salvador thông qua việc tăng chi tiêu cho giáo dục; Chami et al. (2003) lại chỉ ra, ở một số ga đình một phần lớn kiều hối được sử dụng cho tiêu dùng, điều này thậm chí có thể làm giảm động lực lao động của người ở lại và đặt ra tranh luận về tính bền vững của tác động kinh tế từ di cư. Tình trạng phân bổ kiều hối phụ thuộc vào kế hoạch chi tiêu của mỗi gia đình. Trường hợp kiều hối làm suy giảm động lực lao động của người ở lại xảy ra ở Việt Nam.

Có thể nói, đã có nhiều nghiên cứu về di cư lao động quốc tế, nhưng vẫn tồn tại một số khoảng trống: Thiếu các nghiên cứu định lượng sâu về cơ chế trung gian (một phần kiểu hối được tái đầu tư kinh tế); Ít nghiên cứu sử dụng mô hình cấu trúc để phân tích đồng thời nhiều tác động; Hạn chế các nghiên cứu bối cảnh Việt Nam, đặc biệt ở cấp hộ gia đình. Về cơ bản, di cư lao động quốc tế có tác động tích cực đến chức năng kinh tế, mang tính đa chiều và tùy thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể. Tuy nhiên, cũng có không ít gia đình chịu tác động tiêu cực do kế hoạch chi tiêu và sử dụng khoản kiều hối cũng như sự phân công lao động cho người ở lại không thành công khiến mục đích di cư ban đầu là phát triển kinh tế không đạt được. Đây là một hệ quả xã hội từng được báo chí và các nghiên cứu về di cư lao động quốc tế phản ánh khá nhiều: khi hai vợ chồng có một người đi lao động nước ngoài, một người ở lại, một bên ở lại rơi vào trạng thái phụ thuộc kinh tế, lười lao động, dính vào tệ nạn xã hội làm đảo lộn vai trò truyền thống trong gia đình và khủng hoảng chức năng kinh tế, tình cảm vợ chồng. Bên cạnh sự thay đổi chức năng kinh tế, vai trò của các thành viên trong gia đình có người đi lao động nước ngoài cũng thay đổi. Cùng với đó là sự thay đổi mức sống và cấu trúc kinh tế hộ gia đình: xu hướng sản xuất truyền thống chuyển sang mô hình tiêu dùng và tái đầu tư nguồn lực sang hình thức sinh kế mới dựa trên nguồn vốn tài chính.

2.2. Biến đổi chức năng giáo dục

Trong các gia đình có bố/mẹ hoặc cả hai bố mẹ đi lao động nước ngoài, chức năng giáo dục của gia đình thường bị suy giảm đáng kể. Sự thiếu vắng cha mẹ khiến trẻ em thiếu sự kèm cặp, định hướng và giám sát trong học tập cũng như đời sống hằng ngày. Nghiên cứu của Nguyễn Việt Cường và Vũ Hoàng Linh (2015) cho thấy, trẻ em có cha mẹ đi lao động nước ngoài thường dành ít thời gian cho việc học ở nhà hơn bình thường. Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu xã hội học cũng chỉ ra việc trẻ em trong các gia đình này dễ gặp khó khăn về tâm lý, giảm tự tin và thiếu sự gắn kết tình cảm. Điều này cho thấy lao động di cư quốc tế không chỉ ảnh hưởng đến cấu trúc gia đình mà còn làm suy yếu chức năng giáo dục và hình thành nhân cách của gia đình đối với trẻ em.

- Suy giảm vai trò giáo dục trực tiếp của cha/mẹ

Nghiên cứu tài liệu thứ cấp cho thấy, di cư lao động quốc tế của các bậc cha, mẹ làm thay đổi rất rõ chức năng giáo dục, kể cả khi các bậc cha mẹ đó khi ở nhà họ cũng không trực tiếp kèm con học. Sự thay đổi về hình thức từ chăm sóc/giáo dục trực tiếp chuyển sang giáo dục gián tiếp được lồng ghép trong các cuộc điện thoại trực tiếp, các tin nhắn qua zalo, facebook,... truyền đạt các giá trị, nhắc nhở con học hành, ăn uống, vui chơi, ngủ nghỉ đúng giờ; nhắc nhở con chăm sóc ông bà, nhắc ông bà chăm sóc/nhắc nhở cháu. Đặc biệt, trong bối cảnh internet và mạng xã hội phát triển hiện nay các cuộc gọi Video call hàng ngày đã kéo gần khoảng cách về địa lý. Theo Bryceson, Deborah Fahy và Vuorela, Ulla (2002), các gia đình xuyên quốc gia duy trì sự thống nhất về mặt cảm xúc và chức năng bất chấp sự cách biệt về địa lý, nhưng giá trị cốt lõi của giáo dục gia đình là đặc biệt quan trọng.

Khi cha/mẹ hoặc cả hai di cư lao động ra nước ngoài không thể tiếp xúc trực tiếp với con cái sẽ bị ảnh hưởng đến quá trình phát triển và hình thành nhân cách của trẻ. Việc giám sát học tập, hay cùng con học bài, vui chơi và định hướng hành vi trong giao tiếp, ứng xử với người thân, với bạn bè, thầy cô,... có vai trò hết sức quan trọng. Giáo dục con trẻ vừa bằng lời nói vừa bằng hành động: cử chỉ yêu thương như cái ôm hôn của cha mẹ hàng ngày khi con ngoan, lễ phép hay được điểm tốt,... có giá trị tinh thần rất lớn, là động lực giúp con thay đổi kết quả học tập, lệch chuẩn hành vi trong một số trường hợp. Trong nhiều trường hợp, chỉ một cái ôm/hôn của cha mẹ giá trị hơn cả ngàn lời nói.

Có khá nhiều nghiên cứu nhấn mạnh việc suy giảm sự tham gia trực tiếp của cha mẹ vào quá trình giáo dục các con là các nghiên cứu về "di cư lao động nước ngoài và trẻ em bị bỏ lại" cho thấy

sự vắng mặt của một hoặc cả hai cha mẹ làm suy yếu sự giám sát, hỗ trợ học tập và hướng dẫn, điều chỉnh hành vi của con (Parreñas, Rhacel Salazar, 2005; UNICEF, 2008). Bằng chứng thực nghiệm từ châu Á chỉ ra rằng, trẻ em trong các gia đình di cư xuyên biên giới có thể gặp phải kết quả học tập thấp hơn và nguy cơ gặp các vấn đề về hành vi cao hơn do sự tham gia trực tiếp của cha mẹ bị giảm sút, càng lên lớp cao vấn đề này càng rõ do sự thay đổi tâm sinh lý của trẻ (Graham & Jordan, 2011). McKenzie và Rapoport (2011) cũng cho rằng, trẻ em trong các gia đình có cha/mẹ di cư lao động quốc tế có nguy cơ giảm kết quả học tập do thiếu sự giám sát và định hướng trực tiếp của cha/mẹ. Nghiên cứu của Tổ chức Di cư Quốc tế cũng chỉ ra rằng “trẻ em bị bỏ lại phía sau” (left-behind children) thường gặp khó khăn trong học tập và phát triển tâm lý – xã hội, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến kết quả giáo dục.

- *Chuyển đổi chức năng giáo dục*

Do cha, mẹ hoặc cả hai đã di cư lao động ra nước ngoài dẫn đến việc chuyển giao trách nhiệm giáo dục cho những người chăm sóc thay thế, chẳng hạn là ông, bà hoặc họ hàng thân thuộc giúp giám hộ. Việc giám hộ hay giáo dục ngoài cha mẹ chỉ được coi là sự trông coi, chăm sóc. Sự thay thế này thường dẫn đến kết quả giáo dục không hiệu quả do khoảng cách thế hệ, do năng lực và phương pháp giáo dục ngày càng có nhiều thay đổi, thậm chí do mối quan hệ - tùy vào mối quan hệ thân thuộc mà hiệu quả giáo dục cũng khác nhau (Yeoh & Lam, 2007). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, dù gia đình nhiều thế hệ mang lại sự ổn định về mặt cảm xúc, nhưng có thể thiếu các nguồn lực hoặc kỹ năng để hỗ trợ hiệu quả việc học tập của trẻ. Có thể nói, sự chăm sóc kết hợp giáo dục trực tiếp của cha, mẹ cơ bản là không ai có thể thay thế, đặc biệt là càng lên lớp lớn sự không phù hợp càng được bộc lộ rõ.

- *Gia tăng chức năng giáo dục gián tiếp theo chính sách xã hội hoá giáo dục*

Nhiều nghiên cứu về biến đổi chức năng giáo dục với trẻ có bố, mẹ đi di cư lao động nước ngoài nhấn mạnh vào sự chuyển đổi vai trò giáo dục từ cha, mẹ sang giáo dục nhà trường nhờ chính sách xã hội hoá. Nhiều gia đình có bố, mẹ di cư lao động ra nước ngoài thường cảm thấy mình có lỗi nên muốn bù đắp cho con nên thường thuê gia sư hoặc nhờ các thầy, cô bộ môn kèm trực tiếp để có kết quả tốt nhất. Sự tham gia của gia đình vào quá trình xã hội hoá giáo dục khá đa dạng: cha mẹ tự dạy - bổ sung kiến thức còn thiếu cho con, đóng tiền cho con: học gia sư, tham gia câu lạc bộ/các Trung tâm giáo dục học kỹ năng sống; đầu tư trang thiết bị máy tính, internet, học online trên nền tảng số, hoặc mua tài liệu về tự nghiên cứu (Stark, Oded & Bloom, 1985; Adams & Cuecuecha, 2010).

Một số nghiên cứu ở khối các nước đang phát triển chỉ ra, kiểu hối từ lao động di cư có liên quan đến việc tăng tỷ lệ nhập học và giảm tỷ lệ bỏ học. Di cư lao động tạo nguồn thu nhập, nguồn tiền này một phần được đầu tư cho giáo dục và với nhiều trường hợp có tác động tích cực với trẻ. Thiếu sự giám sát trực tiếp của bố, mẹ trẻ dễ bị giảm động lực học tập và sẽ dành nhiều thời gian hơn cho giải trí hoặc lao động gia đình. Theo Battistella và Conaco (1998), sự thay đổi người giám hộ có thể làm giảm hiệu quả giáo dục do khoảng cách thế hệ hoặc hạn chế về trình độ học vấn của người chăm sóc thay thế.

- *Giáo dục xuyên quốc gia (dạy con qua điện thoại, mạng xã hội, internet,...)*

Việc giáo dục trong các gia đình có bố, mẹ di cư lao động quốc tế còn được dùng qua các công nghệ truyền thông kỹ thuật số như: Zalo, Facebook, điện thoại, cuộc gọi video, Mạng xã hội, WhatsApp,... cha mẹ ở nước ngoài có thể duy trì liên lạc thường xuyên, theo dõi tiến độ học tập và hỗ trợ về mặt tinh thần (Madianou & Miller, 2012). Tuy nhiên, hình thức giáo dục này cũng không thể thay thế hoàn toàn giáo dục trực tiếp, có thể chỉ là mang tính “kiểm soát từ xa” hơn là giáo dục toàn

diện, đặc biệt là trong việc định hình quá trình xã hội hóa và kỷ luật của trẻ em. Chẳng hạn, khi trẻ nói bậy hoặc có hành vi đánh bạn, cãi lại ông bà,... cha mẹ dạy trực tiếp sẽ phân tích ngay khi sự việc diễn ra trẻ sẽ hiểu và tiếp thu – thay đổi, hiệu quả hơn khi nói qua điện thoại không kèm theo bằng chứng. Hơn nữa, di cư lao động quốc tế của cha, mẹ còn ảnh hưởng đến nguyện vọng học vấn và định hướng giá trị trong gia đình. Một số nghiên cứu chỉ ra, trẻ em trong các gia đình di cư lao động quốc tế phát triển động lực học tập cao hơn như một chiến lược để thăng tiến xã hội (Kandel & Kao, 2001). Một số nghiên cứu khác lại chỉ ra rằng, việc bình thường hóa di cư như một chiến lược sinh kế có thể làm giảm động lực theo đuổi mục tiêu giáo dục lâu dài của gia đình (McKenzie & Rapoport, 2011). Một số nghiên cứu và thực tiễn ở một số địa phương của Việt Nam có xuất cư nhiều cho thấy, nhiều gia đình có người di cư, trẻ em trong các gia đình đó cũng được xác định sẽ tiếp bước theo cha, mẹ ra nước ngoài lao động chứ không phải theo đuổi mục tiêu học lên đại học,... Tình trạng này diễn ra khá phổ biến ở nhiều tỉnh/thành ở Việt Nam. Việc giáo dục được đầu tư ở bậc phổ thông chiếm số đông.

Có thể nói, trong các gia đình có bố/mẹ hoặc cả hai đi lao động nước ngoài, chức năng giáo dục của gia đình thường bị suy giảm đáng kể do thiếu vắng sự kèm cặp, định hướng và giám sát trong học tập cũng như đời sống hằng ngày của cha, mẹ. Đặc biệt là trong điều kiện công nghệ phát triển hiện nay, xung quanh trẻ có nhiều trang thiết bị điện tử, có kết nối internet và nhiều trò chơi hấp dẫn nên lơ là học hành là điều khó tránh. Qua nghiên cứu thực nghiệm cho thấy, trẻ càng học lên lớp cao càng bị ảnh hưởng do đi học xa hơn, thời gian vắng nhà nhiều hơn và ở tuổi thích khám phá, khẳng định bản thân nên dễ xao nhãng học hành. Mặc dù vậy, ở Việt Nam cũng vẫn có các trường hợp bố mẹ di cư lao động quốc tế, ở nhà con cái nỗ lực vượt khó vươn lên học hành đỗ đạt.

3. Kết luận

Di cư lao động quốc tế từ lâu đã trở thành một chiến lược sinh kế và giải quyết vấn đề việc làm quan trọng của nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam. Quá trình này không chỉ tạo ra sự dịch chuyển lao động xuyên biên giới mà còn kéo theo sự biến đổi các chức năng cơ bản của gia đình, trong đó nổi bật là chức năng kinh tế và chức năng giáo dục.

Về chức năng kinh tế, nguồn thu từ kiều hối góp phần nâng cao mức sống của đa số hộ gia đình có người di cư lao động quốc tế, cải thiện điều kiện nhà ở, chăm sóc sức khỏe và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội. Đối với nhiều gia đình, kiều hối trở thành nguồn thu nhập chủ yếu giúp giảm áp lực nghèo đói, ổn định đời sống và tăng khả năng tích lũy kinh tế và tái đầu tư. Vì lẽ đó, di cư lao động quốc tế thường được xem như một chiến lược phân tán rủi ro và đa dạng hóa nguồn thu nhập của hộ gia đình trong điều kiện việc làm và thu nhập trong nước còn hạn chế. Tuy nhiên, sự phụ thuộc kéo dài vào kiều hối cũng có thể tạo ra những tác động tiêu cực đối với chức năng kinh tế của gia đình. Một số nghiên cứu cho thấy nguồn thu nhập từ nước ngoài có thể làm suy giảm động lực tham gia lao động của các thành viên ở lại, gia tăng tâm lý lệ thuộc kinh tế và hình thành xu hướng ưu tiên tiêu dùng hơn đầu tư sản xuất. Trong nhiều trường hợp, kiều hối chủ yếu được sử dụng cho chi tiêu sinh hoạt, xây dựng nhà ở hoặc tiêu dùng ngắn hạn thay vì đầu tư phát triển sinh kế bền vững, từ đó làm hạn chế khả năng phát triển kinh tế nội sinh của hộ gia đình và cộng đồng địa phương.

Đối với chức năng giáo dục, kiều hối góp phần mở rộng cơ hội học tập cho con cái thông qua việc tăng khả năng chi trả học phí, điều kiện học tập và tiếp cận các nguồn lực giáo dục tốt hơn. Nhiều gia đình có điều kiện đầu tư nhiều hơn cho việc học của con, giảm tình trạng lao động sớm và nâng cao kỳ vọng giáo dục đối với thế hệ trẻ. Tuy nhiên, sự vắng mặt kéo dài của cha hoặc mẹ hoặc cả hai đều đi lao động ở nước ngoài đã ảnh hưởng đáng kể đến quá trình giáo dục và xã hội hóa trẻ em

trong gia đình. Việc thiếu sự giám sát, đồng hành và chăm sóc trực tiếp từ cha mẹ có thể làm suy giảm hiệu quả giáo dục gia đình, ảnh hưởng tới sự phát triển tâm lý, hành vi và kết quả học tập của trẻ. Trong một số trường hợp, trẻ em có xu hướng giảm động lực học tập khi hình thành nhận thức rằng di cư lao động là con đường chủ yếu để cải thiện thu nhập và vị thế xã hội, thay vì đầu tư dài hạn vào học vấn và nghề nghiệp trong nước.

Từ những phân tích trên có thể thấy, sự biến đổi chức năng kinh tế và chức năng giáo dục trong các gia đình có người di cư lao động quốc tế là một quá trình mang tính hai mặt và có tác động đa chiều đến chức năng gia đình. Nó vừa góp phần củng cố chức năng kinh tế và mở rộng cơ hội giáo dục cho gia đình, vừa đặt ra nhiều thách thức với tính bền vững của các chức năng này trong dài hạn. Những biến đổi đó cho thấy, gia đình trong bối cảnh di cư xuyên quốc gia không còn vận hành theo mô hình truyền thống mà đang thích ứng với các điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa mới của quá trình toàn cầu hóa lao động. Do đó, di cư lao động quốc tế không chỉ là chiến lược nhằm cải thiện sinh kế mà còn là quá trình tái cấu trúc các quan hệ xã hội, vai trò giới trong gia đình, đặc biệt là vai trò chăm sóc và giáo dục người cao tuổi và trẻ em trong gia đình. Do đó, để các gia đình có người di cư lao động quốc tế giảm sự tổn thương nhiều nhất với người cao tuổi và trẻ em, cần đặt nó trong mối liên hệ với các chính sách an sinh xã hội, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ người cao tuổi trong các gia đình này, nhằm bảo đảm rằng lợi ích kinh tế từ di cư lao động quốc tế không phải đánh đổi bằng sự suy giảm chất lượng phát triển con người và gia tăng bất bình đẳng xã hội.

Tài liệu tham khảo và trích dẫn

- Nguyen Viet Cuong and Vu Hoang Linh: "Should parents work away from or close to home? The effect of parental absence on children's time use in Vietnam". *Journal of Human Development and Capabilities* , Vol. 27, No. 4, 547–565. Pages 110-124 | Published online: 02 Nov 2015. <https://mdri.org.vn/publications/should-parents-work-away-from-or-close-to-home-the-effect-of-parental-absence-on-childrens-time-use-in-vietnam/>
- Edillon, Rosemarie G. (2008). *The Effects of Parent's Migration on the Rights of Children Left Behind in the Philippines*. UNICEF Philippines.
- Yeoh, Brenda S. A., & Lam, Theodora. (2007). *The Costs of (Im)Mobility: Children Left Behind and Children Who Migrate with a Parent*. In *Perspectives on Gender and Migration* (United Nations Expert Group Meeting on International Migration and Development).
- Adams, RH, & Cuecuecha, A. (2010). Kiều hối, chi tiêu hộ gia đình và đầu tư ở Guatemala. *Phát triển Thế giới*, 38 (11), 1626–1641.
- Adams, R. H., & Page, J. (2005). Do international migration and remittances reduce poverty in developing countries? *World Development*, 33(10), 1645–1669
- Battistella, G., & Conaco, M. C. G. (1998). The impact of labour migration on the children left behind: A study of elementary school children in the Philippines. *Sojourn*, 13(2), 220–241.
- Cox-Edwards, A., & Ureta, M. (2003). International migration, remittances, and schooling: Evidence from El Salvador. *Journal of Development Economics*, 72(2), 429–461
- Chami, R., Fullenkamp, C., & Jahjah, S. (2003). Are immigrant remittance flows a source of capital for development? *IMF Staff Papers*, 52(1), 55–81
- Bryceson, D., & Vuorela, U. (2002). *Gia đình xuyên quốc gia: Những biên giới mới của châu Âu và mạng lưới toàn cầu*.

- Graham, E., & Jordan, LP (2011). Cha mẹ di cư và sức khỏe tâm lý của trẻ em bị bỏ lại ở Đông Nam Á. *Di cư quốc tế*, 49 (3), 1–23.
- Madianou, M., & Miller, D. (2012). Di cư và phương tiện truyền thông mới: Gia đình xuyên quốc gia và đa phương tiện. *Thông tin, Truyền thông & Xã hội*, 15 (3), 457–470
- Kandel, W., & Kao, G. (2001). Tác động của di cư lao động tạm thời đến nguyện vọng giáo dục của trẻ em Mexico. *Diễn đàn Xã hội học*
- Phạm Thị Tính (2020). *Bảo đảm quyền trẻ em trong các gia đình có bố, mẹ đi lao động nước ngoài: Nghiên cứu tại tỉnh Bắc Giang*. Đề tài cấp bộ do Viện nghiên cứu Con người là cơ quan chủ trì 2019 – 2020.
- Richard H. Adams & John Page, (2005). Di cư quốc tế và kiều hối có làm giảm nghèo đói ở các nước đang phát triển không? *Phát triển Thế giới*, 33 (10), 1645–1669.
- McKenzie, D., & Rapoport, H. (2011). Di cư có thể làm giảm trình độ học vấn không? *Tạp chí Kinh tế Phát triển*, 95 (1), 1–15
- Murakami, Enerelt & Yamada, Eiji & Sioson, Erica Paula, 2021. "[The impact of migration and remittances on labor supply in Tajikistan](#)," *Journal of Asian Economics*, Elsevier, vol. 73(C).Handle: *RePEc:eee:asiaeco:v:73:y:2021:i:c:s1049007820301482*. DOI: 10.1016/j.asieco.2020.101268
- Murakami, Eiji Yamada, and Erica Sioson JICA Research Institute (2019). Enerelt The Impact of Migration and Remittances on Labor Supply in Tajikistan. No.181.
- Syeda Rozana Rashid, Md. Jalal Uddin Sikder (2016) Choosing a Life: Remittances and Youth Aspirations in Bangladeshi Villages
- Stark, O. (1991). *The Migration of Labor*. Oxford: Blackwell; Stark, O., & Bloom, D. E.. The new economics of labor migration. *American Economic Review*, 75(2), 173–178;
- Stark, O., & Bloom, D. E. (1985). The new economics of labor migration. *American Economic Review*, 75(2), 173–178.
- Shair, W. & Majeed, M.T. (2020). Labor Market Outcomes of Non-Migrant Members in Response to Remittances : Evidence from Provincial Capital of Punjab and Khyber Pakhtunkhawa (KPK) , Review of Socio-Economic Perspectives, Vol 5(1), pp. 1-22, DOI : 10.19275/RSEP073.
- Taylor, J. E. (1999). The new economics of labour migration and the role of remittances. *International Migration*, 37(1), 63–88.
- Parreñas, Rhacel Salazar. (2005). *Children of Global Migration: Transnational Families and Gendered Woes*. Stanford, CA: Stanford University Press.

XU HƯỚNG DUY TRÌ GIA ĐÌNH TAM ĐẠI ĐỒNG ĐƯỜNG TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI: NGHIÊN CỨU SO SÁNH TẠI PHƯỜNG KIM TRÀ (THÀNH PHỐ HUẾ) VÀ PHƯỜNG CẨM THÀNH (QUẢNG NGÃI)

Th.S. Nguyễn Thành Nhân*

Tóm tắt: Nghiên cứu này so sánh thực trạng và xu hướng duy trì mô hình gia đình tam đại đồng đường (từ ba thế hệ trở lên) giữa hai địa phương có đặc điểm kinh tế - xã hội khác biệt là phường Kim Trà thuộc thành phố Huế (đô thị trung tâm) và phường Cẩm Thành thuộc tỉnh Quảng Ngãi (khu vực có đặc điểm nông thôn). Sử dụng phương pháp phân tích thứ cấp và so sánh mô tả dựa trên số liệu thống kê hộ gia đình năm 2025 từ báo cáo của UBND hai phường, nghiên cứu tập trung mô tả số lượng và tỷ lệ các loại hình hộ gia đình, từ đó đặt ra các giả thuyết về các yếu tố có thể liên quan đến sự khác biệt như không gian sống, cơ cấu kinh tế và giá trị văn hóa.

Từ khóa: Gia đình 3 thế hệ, gia đình mở rộng, cấu trúc gia đình, Kim Trà, Cẩm Thành

The Trend of Maintaining Three Generation Households in Modern Society: A Comparative Study of Kim Tra Ward, Thua Thien Hue and Cam Thanh Ward, Quang Ngai

Abstract: This study compares the current status and trend of maintaining three-generation households (extended families with three or more generations living together) between two localities with distinct socio-economic characteristics: Kim Tra Ward in Hue City (an urban center) and Cam Thanh Ward in Quang Ngai Province (a rural-character area). Using secondary data analysis and descriptive comparison based on 2025 household statistics from the People's Committees of the two wards, the study describes the numbers and proportions of various household types, and then proposes hypotheses regarding factors that may be associated with the observed differences, such as living space, economic structure, and cultural values.

Keywords: Three-generation family, extended family, family structure, Kim Tra, Cam Thanh

MỞ ĐẦU

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình hiện đại hóa và đô thị hóa, cấu trúc gia đình Việt Nam đã có những biến đổi sâu sắc. Mô hình gia đình hạt nhân (2 thế hệ) ngày càng phổ biến, trong khi mô hình tam đại đồng đường (3 thế hệ trở lên) dần thu hẹp, đặc biệt tại các đô thị lớn. Tuy nhiên, sự suy giảm này không diễn ra đồng đều giữa các vùng miền. Số liệu thống kê năm 2025 tại hai phường Kim Trà (Thành phố Huế) và Cẩm Thành (Quảng Ngãi) cho thấy một khoảng cách đáng chú ý: phường Cẩm Thành có tới 2.661 hộ gia đình từ 3 thế hệ trở lên, trong khi phường Kim Trà chỉ ghi nhận 442 hộ. Tại sao mô hình gia đình đa thế hệ vẫn được duy trì với tỷ lệ cao hơn đáng kể ở một địa phương như Cẩm Thành, trong khi tại Kim Trà lại có xu hướng thu hẹp mạnh?

Các nghiên cứu trước đây (Parsons, 1955; Lê Văn Hùng, 2017; Trần Thị Hương, 2020) chủ yếu tập trung vào gia đình hạt nhân hoặc sử dụng dữ liệu định tính, chưa có so sánh định lượng giữa một phường đô thị trung tâm (Huế) và một phường có đặc điểm nông thôn (Quảng Ngãi) dựa trên số liệu thống kê mới nhất (2025). Bài viết này không khẳng định quan hệ nhân quả mà chỉ mô tả, so sánh và

* Trường Đại học Văn Lang. Điện thoại: 0938.583.483; Email: nguyenthanhnhan310@gmail.com

đặt ra các giả thuyết cần được kiểm chứng thêm. Vì vậy, việc tìm hiểu xu hướng duy trì gia đình tam đại đồng đường có ý nghĩa học thuật và thực tiễn trong bối cảnh xây dựng chính sách gia đình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm:

- (i) So sánh thực trạng số lượng và tỷ lệ hộ gia đình có 3 thế hệ trở lên giữa phường Kim Trà và phường Cẩm Thành dựa trên số liệu năm 2025.
- (ii) Phân tích các yếu tố có thể liên quan đến sự khác biệt (kinh tế, văn hóa, không gian sống, quản lý xã hội) dưới dạng các giả thuyết cần được kiểm chứng thêm.
- (iii) Đề xuất một số giải pháp mang tính tham khảo nhằm phát huy giá trị tích cực của cấu trúc gia đình đa thế hệ, phù hợp với bối cảnh hiện đại.

Lưu ý: Nghiên cứu này không đặt mục tiêu đánh giá vai trò của mô hình gia đình đa thế hệ trong phòng chống bạo lực gia đình, vì dữ liệu hiện có không cho phép kiểm chứng trực tiếp mối quan hệ nhân quả.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các hộ gia đình có từ 3 thế hệ trở lên (tam đại đồng đường) đang sinh sống trên địa bàn phường Kim Trà (TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế) và phường Cẩm Thành (tỉnh Quảng Ngãi). Phạm vi không gian được giới hạn tại hai phường nêu trên. Phạm vi thời gian tập trung vào số liệu thống kê năm 2025.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu trên, nghiên cứu sử dụng phối hợp nhiều phương pháp. Thứ nhất, phương pháp phân tích thứ cấp là thu thập và xử lý các báo cáo thống kê hộ gia đình năm 2025 của hai phường. Thứ hai, phương pháp so sánh khi đối chiếu số liệu về tổng số hộ, số hộ 1 thế hệ, 2 thế hệ, 3 thế hệ trở lên giữa hai địa phương.

NỘI DUNG

1. Cơ sở lý luận

1.1. Khái niệm gia đình và gia đình đa thế hệ

Trong xã hội học, gia đình thường được định nghĩa là một nhóm xã hội nhỏ hình thành trên cơ sở quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, với các thành viên có sự ràng buộc về trách nhiệm và quyền lợi, cùng chung sống dưới một mái nhà (Nguyễn Thị Nhung, 2020). Gia đình được xem là một thiết chế xã hội cơ bản (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2020). Theo quan điểm truyền thống, gia đình Việt Nam thường được tổ chức theo mô hình “tam đại đồng đường” hoặc “tứ đại đồng đường”, tức là có từ ba đến bốn thế hệ cùng chung sống (Nguyễn Thị Hòa, 2019). Cụ thể, “tam đại đồng đường” chỉ mô hình gia đình có ba thế hệ (ông bà, cha mẹ, con cái) cùng sinh sống, trong khi “tứ đại đồng đường” là mô hình có bốn thế hệ (Vũ Thị Thanh, 2021). Các mô hình này còn được gọi chung là gia đình mở rộng (extended family), đề cao sự gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thế hệ. Cần lưu ý rằng việc duy trì hay thu hẹp mô hình này phụ thuộc vào nhiều yếu tố bối cảnh.

1.2. Các lý thuyết về cấu trúc gia đình

Có nhiều lý thuyết xã hội học được sử dụng để nghiên cứu về cấu trúc gia đình. Lý thuyết cấu trúc - chức năng, tiêu biểu là các công trình của Talcott Parsons, nhấn mạnh rằng mỗi thành viên trong gia đình đảm nhận những vai trò và chức năng nhất định để duy trì sự ổn định và phát triển của gia đình cũng như xã hội (Parsons, 1955). Parsons (1955) cho rằng gia đình hạt nhân (vợ, chồng, con cái) có thể là mô hình phù hợp với xã hội công nghiệp hiện đại, bởi nó đáp ứng được yêu cầu về tính cơ động và chuyên môn hóa lao động (Murdock, 1949). Tuy nhiên, nghiên cứu của Reuben Hill (1970) về